

TÂM TÍNH VÀ THỜI ĐẠI

“Về phương diện khám phá chân lí, khoa học cần đến Phật giáo. Về phương diện đời sống vật chất, văn minh, khoa học lại càng cần đến Phật giáo”

(Bertrand Russell)

HÀ THỨC MINH^(*)

Trần Thái Tông buồn vì “trên, không còn cha mẹ để nương tựa, dưới, lại e phụ lòng trông đợi của dân chúng”, cho nên dang đem đá từ bỏ kinh thành “lui về chốn núi rừng để tìm học đạo Phật” và cũng chỉ cốt “để được thành Phật chứ không cầu gì khác”.

Quốc sư núi Yên Tử đã thức tỉnh vị Hoàng đế đầu tiên của nhà Trần:

“Trong núi vốn không có Phật, Phật ở tại tâm. Tâm tĩnh lặng đó mới là Phật chân chính. Nay bệ hạ nếu hiểu được điều đó thì sẽ thành Phật ngay tức thời, chẳng cần phải cầu ở bên ngoài làm gì” (*Thiền tông chỉ nam tự*)

Người ta cho rằng cốt lõi của Thiền tông chỉ có tám chữ: “Tức Tâm tức Phật, đốn ngộ thành Phật” (即心即佛, 顿悟成佛), nghĩa là “Tâm là Phật, Phật cũng là Tâm, giác ngộ lập tức thành Phật”. Sáu mươi sáu câu của *Bài ca Phật Tâm (Phật Tâm ca 佛心歌)* của Trần Tung là bức tranh toàn cảnh của chữ Tâm theo hướng “tức Tâm tức Phật”:

“Phật, Phật, Phật không thể thấy được,
Tâm, Tâm, Tâm không thể nói được.
Khi Tâm sinh thì Phật sinh,
Khi Phật diệt thì Tâm diệt.

Không có chỗ nào Tâm diệt mà Phật còn,
Phật diệt mà Tâm còn cũng chưa bao giờ có”

(Phật, Phật, Phật bất khả kiến,

Tâm, Tâm, Tâm bất khả thuyết.

Nhược Tâm sinh thời thị Phật sinh,

Nhược Phật diệt thời thị Tâm diệt.

Diệt Tâm tôn Phật thị xứ vô,

Diệt Phật tôn Tâm hà thời yết.

佛, 佛, 佛不可见

心, 心, 心不可说

若心生时是佛生

若佛灭时是心灭

灭心存佛是处无

灭佛存心何时歇)

Tâm và Phật chỉ là một, “Tâm sinh diệt” và “Phật Tâm” cũng chỉ là một:

“Nếu muốn phân chia Tâm Phật và Tâm sinh diệt,

Thì hãy đợi sau này may ra Phật Di Lặc sẽ giải đáp cho”

(Dục tri Phật Tâm, sinh diệt Tâm,

Trực đắc đương lai Di Lặc quyết.

*. Nhà nghiên cứu, Tp. Hồ Chí Minh.

欲知佛心，生灭心

直得如来弥勒决)

Tâm cũng vậy, Phật cũng vậy, “Tâm thể” và “Phật tính” đều “vô thường”, không thể xác định được. Bởi vì:

“Phàm tục, Thánh thần, Người, Trời đều thoáng qua như tia chớp,

Thể tính của Tâm không phải cũng không trái,

Thể tính của Phật không hư cũng không thực”

(Phàm, Thánh, Nhân, Thiên như điện phát,

Tâm thể vô thị diệt vô phi,

Phật tính phi hư hựu phi thực.

凡圣人天如电拂

心体无是亦无非

佛性非虚又非实)

Không những Tâm, Phật là một, kể cả “vạn pháp, chúng sinh”, nghĩa là mọi vật, cả sinh vật, thực vật, hữu cơ, vô cơ cũng là một:

“Tâm của vạn pháp cũng là Tâm Phật,

Tâm Phật thực ra cũng là Tâm Ta”

(Vạn pháp chi Tâm tức Phật Tâm,

Phật Tâm khước dữ ngã Tâm hợp.

万法之心即佛心

佛心却与我心合)

Kinh Niết Bàn chép:

“Hết thấy chúng sinh đều có Phật tính Như Lai không bao giờ thay đổi” (Nhất thiết chúng sinh tất hữu Phật tính Như Lai thường trụ vô hữu biến dị 一切众生悉有佛性如来常住无所变异).

“Hết thấy chúng sinh đều có Phật tính, có Phật tính thì đều có thể thành Phật”

(Nhất thiết chúng sinh giai hữu Phật tính, hữu Phật tính giả giai khả thành Phật 一切众生皆有佛性, 有佛性者皆可成佛)

Kinh Kim Cương chép:

“Mọi pháp đều bình đẳng không phân biệt cao thấp” (Thị pháp bình đẳng, vô hữu cao hạ 是法平等, 无有高下)

Kinh Phạm Võng chép:

“Ta là người đã thành Phật còn người là người chưa thành Phật (Ngã thị dĩ thành Phật, nhữ thị vị thành Phật 我是已成佛, 如是未成佛)

Cổ Tôn Túc ngữ lục có câu:

“Trời đất với Ta cùng một gốc,

Vạn vật với Ta đều như nhau.

(Thiên địa dữ ngã đồng căn,

Vạn vật dữ ngã nhất thể.

天地与我同根,

万物与我一体)

Tất cả đều bình đẳng như nhau, bởi vì mọi thứ trên đời đều do “nhân duyên” tạo ra, cho nên không có gì tồn tại tự nó cả “tự tính không” 自性空 (svabhava-sunyata). Phật giáo gọi đó là “duyên khởi tính không” 缘起性空, nghĩa là tất cả đều bình đẳng trước cái gọi là “không” 空 (sunyata):

“Mọi biểu hiện đều biến đổi, hết thấy đều là không”

(Chư hành vô thường, nhất thiết không, 诸行无常一切空)

Chính vì vậy nên Thiên tông mới cho rằng Phật Thích Ca xuất thế vì giác ngộ nhân duyên “tự tính không” (Phật dĩ nhất đại sự nhân duyên xuất thế 佛以一大事因缘出世). “Không tính” không những không cần khẳng định hay “chấp trước”

mà chính là cần phải phủ định để trở thành “không tính không” 空性空 (sunyata-sunyata) hay “không không” 空空. *Đại trí độ luận*, q. 31: “Không phủ định không gọi là không không” (Di không xả không thị danh không không 以空舍空是名空空). “Bình đẳng” trước cái “không không” có nghĩa là chẳng bình đẳng trước cái gì cũng như trước ai cả. Bởi vì “bình đẳng” trước... cái gì hay trước ai đó... tự nó đã không bình đẳng rồi. Nếu như “mọi người đều được Tạo hóa bình đẳng tạo ra” (all men are created equal) thì nhiều lắm là mọi người “được” bình đẳng “với nhau”, chứ không phải bình đẳng với Chúa. Phật không tạo ra chúng sinh, Phật và chúng sinh đều bình đẳng. Bình đẳng trong xã hội không có bình đẳng. Thượng Đế và “bình đẳng” không thể song hành. Không phải chỉ có Thượng Đế mà cả “Hạ Đế” cũng vậy thôi. Cứ như thế, xã hội bao giờ cũng được an bài theo trật tự “tôn ti”. “Phạm hủ”, nghĩa là có ý tưởng “bình đẳng”, cho dù không phải với “Hạ Đế” mà với vật dụng gì đó của “Hạ Đế” cũng đủ chết không có chỗ chôn rồi. Chu Đôn Di đời Tống ở Trung Quốc đã dựa vào *Kinh Dịch* để khẳng định: “Dân chúng trong thiên hạ đều phải phục tùng vào một người” (Thiên hạ chi chúng bản tại nhất nhân, *Thông thư Thuận hóa* 天下之众本在一人). Không phải không có lí nếu như có ai đó cho rằng bình đẳng ở Phương Tây là bình đẳng ở điểm bắt đầu còn bình đẳng của Phật giáo là bình đẳng ở điểm cuối.

Không phải ngẫu nhiên mà những nhà cải cách đấu tranh cho tự do, bình đẳng ở Trung Quốc thế kỉ XIX như Lương Khải Siêu, Đàm Tự Đồng chẳng hạn, đều hết sức ca ngợi quan điểm “bình

đẳng” của Phật giáo. Lương Khải Siêu cho rằng:

“Mục đích lập giáo của (Phật) là ở chỗ làm sao để mọi người đều cùng bình đẳng với Phật”⁽¹⁾.

Quan điểm “bình đẳng”⁽²⁾ (samata) của Phật giáo không phải là sản phẩm của nhận thức luận lí tính, lôgic như của Phương Tây. Cũng có người cho rằng nhận thức của Phật giáo là *trực giác*, là *thể nghiệm*. “Nhận thức luận” bao giờ cũng phân chia chủ thể nhận thức và khách thể nhận thức. Chủ thể tác động đến khách thể, cho nên nhận thức đúng, hay sai phải được kiểm nghiệm bằng thực tiễn (thống nhất giữa người và tự nhiên). “Thể nghiệm” của Phật giáo không phải là chủ thể tác động đến khách thể, không phải nhận thức về Nó mà chính là qua Nó để nhận thức về giá trị của Ta. Cho nên chủ thể đồng nhất với khách thể. Chủ thể và khách thể vừa là một vừa không phải là một. Cho nên khi nó là một thì không thể có cái bất bình đẳng, khi nó không phải là một (bất đồng) thì nó không thể không hài hòa (hòa). Như vậy, “bình đẳng”, “hài hòa” là hệ quả tất yếu của thuyết “duyên khởi”, “tính không”. “Bình đẳng”, “hài hòa” không phải chỉ ở quan hệ giữa người và người mà còn là quan hệ giữa người và vạn vật. Cho nên “nhân loại trung tâm luận” (Anthropocentrism) hoàn toàn xa lạ với Phật giáo. Mục tiêu đây cao ngạo này làm cho con người tự cho là đúng

1. Lương Khải Siêu. *Luận Phật giáo dữ quân trị chi quan hệ*.

2. Phật giáo chống lại quyền uy của Kinh Veda, chủ trương “bình đẳng”, bao gồm: Chân như bình đẳng, Phật tính bình đẳng, Nghiệp báo bình đẳng, Cứu cánh bình đẳng.

trên hết muôn loài và tùy tiện khai thác cạn kiệt tài nguyên, tiêu diệt sinh vật một cách không thương tiếc, phá hoại cân bằng sinh thái vô tội vạ, ô nhiễm môi trường trầm trọng, v.v... Protagore thời Hy Lạp cổ đại từ lâu cũng đã nhắc nhở con người đừng quá tự đại về vị trí gọi là “trung tâm” của mình:

“Con người là thước đo của mọi vật, là thước đo của những vật tồn tại, cũng như thước đo của những vật không tồn tại” (L’Homme est la mesure de toutes choses, de celles qui sont, en tant qu’elles sont, et de celles qui ne sont pas, en tant qu’elles ne sont pas)

Vạn vật (vạn pháp 万法) “bình đẳng” không phải chỉ ở “duyên pháp tính không” “hướng ngoại” mà còn ở “hướng nội”. Nói cách khác, vạn vật “vô sai biệt” 无差别, đều bình đẳng ở “tự tính thanh tịnh” 自性清净 (Prakrti-parisddhatva) hay “tự tính thanh tịnh tâm” (Prakrti-parisuddham cittam). *Cứu cánh nhất thừa thực tính luận*, q. 3 chép: “Tất cả phàm phu, Thánh nhân và chư Phật Như Lai đều có Tâm tự tính thanh tịnh như nhau, không phân biệt” (Sở hữu phàm phu, Thánh nhân, chư Phật Như Lai, tự tính thanh tịnh tâm bình đẳng vô phân biệt, 所有凡夫圣人诸佛如来自性清净心平等无分别). “Tâm tính thanh tịnh” còn gọi là Như Lai tạng Tâm, Chân Tâm, Bồ đề Tâm. “Tâm tính” được đề cập đầu tiên ở Kinh *A-hàm*: “Tâm tính vô cùng thanh tịnh” (Tâm tính cực thanh tịnh 心性极清净), “Tâm tính vốn thanh tịnh” (Tâm tính bản thanh tịnh, *Tăng nhất A-hàm* q.22). Đại chúng bộ cũng cùng quan điểm này. Tuy nhiên không phải tất cả Bộ phái đều thống nhất như vậy. Chẳng hạn Thuyết nhất thiết hữu bộ lại cho rằng “Tâm tính

vốn không phải là thanh tịnh” (Tâm tính phi bản thanh tịnh 心性非本清净). Nhưng nói chung xu hướng chủ yếu của Phật giáo vẫn là thừa nhận “tâm tính vốn thanh tịnh”. Nó là chân lí tự thân mỗi người đều sở hữu, mỗi người hướng về chính mình, hướng về chân lí vốn có, mỗi người sống như chính mình. Cho nên:

“Người mê muội mới cầu Phật,

Người lầm lẫn mới cầu Thiên.

Chẳng cần phải cầu Thiên, cầu Phật nào cả”

Chỉ uống công vô ích mà thôi”

(Diệu Nhân ni sư)

(Mê chi cầu Phật,

Hoặc chi cầu Thiên.

Thiên Phật bất cầu,

Uống khẩu vô ngôn.

迷之求佛，惑之求禅。禅佛不求，枉口无言⁽³⁾

Cho nên thành Phật hay không là ở tự lực chứ không phải ở tha lực, mọi người hãy *tự thấp đức* lên mà đi. Mọi sự áp đặt từ bên ngoài hay từ bên trên xuống đều trở thành vô nghĩa. Nhưng thiên hạ hình như vẫn chưa nhận thức được chân lí đó. Không những vậy mà còn muốn thay thế cái “bên trong” bằng cái “bên ngoài”. Người ta thường chỉ thấy lễ hội là dịp để “biến ý thức xã hội thành ý thức cá nhân” mà quên rằng ý thức xã hội không phải chỉ từ trên xuống mà còn phải từ dưới lên, không phải chỉ từ ngoài vào mà còn từ trong ra.

Giáo dục thực ra cũng không phải chỉ là “biến cái hữu thức trở thành cái vô thức” mà còn cần phải ngược lại và có

3. Có bản chép “Đồ khẩu vô ngôn”, nghĩa là “ngậm miệng không nói”.

khi ngược lại mới là chủ yếu. Đừng quên rằng một khi cái “bên trong” là số “không” thì cái “bên ngoài” sẽ là số “âm”.

“Tâm tính thanh tịnh” là chân lí bên trong, nhận thức được nó thì sẽ trở thành Phật. Nhưng “tâm tính thanh tịnh”, Phật, hay cả Niết Bàn đều có nghĩa là bớt đi chứ không phải thêm vào. Phủ định của phủ định là phương pháp luận để đạt được cảnh giới cao hơn trong nhận thức. Vì vậy “khẳng định” hay “chấp trước” vào bất cứ cái gì cũng có nghĩa là dừng lại hay thụt lùi. Lục Tổ Huệ Năng chứ không phải Thần Tú được truyền y bát chính cũng vì lẽ đó. Thần Tú khẳng định thân là cây Bồ đề (Thân thị Bồ đề thụ), Tâm là đài gương trong sáng (Tâm thị minh kính đài), cũng có nghĩa là chưa linh hội được “ta và vật đều không” (Ngã pháp giai không), trong khi Huệ Năng lại “ngộ” được “tính không” của cả “thân” lẫn “tâm” (Bản lai vô nhất vật).

Tuệ Trung Thượng sĩ lại càng ung dung tự tại, chẳng cần quan tâm phạm phu tục tử, Tiên, Phật, Thánh, Thần gì cả. Chẳng xuất thế mà cũng chẳng xử thế. Thái hậu Thiện Cảm (em gái Tuệ Trung) mời Tuệ Trung đến dự tiệc. Tuệ Trung “gặp thịt ăn thịt, gặp cá ăn cá”. Thiện Cảm lấy làm lạ hỏi rằng: “Anh tu Thiền mà ăn thịt thì thành Phật sao được?”. Thượng sĩ cười đáp: “Phật là Phật, anh là anh. Anh chẳng cần làm Phật, Phật chẳng cần làm anh” (*Thượng sĩ hành trạng*).

Thái hậu Thiện Cảm mà còn “lấy làm lạ” thì e rằng chẳng có mấy ai lúc bấy giờ lại có thể “lấy làm quen” được. May mà có Trúc Lâm Đại Đầu Đà Trần Nhân Tông không những có thể “quen” mà còn cho rằng “như vậy mới đúng là đạo

Thiền của Thượng sĩ” (phù thị chi vị Thượng sĩ chi Thiền, Tán Tuệ Trung Thượng sĩ). Thượng sĩ ung dung tự tại, “phủ định” cả bên ngoài lẫn bên trong. Nhưng “phủ định” hay “phủ định của phủ định”, không phải ai cũng có thể thực hiện được. Minh Viên Huỳnh Thúc Kháng hết lời ca ngợi không khí tự do đời nhà Trần. “Giải thoát” (Moksa) cho “cái tôi” (Atman, tiểu ngã) và tự do cho cá nhân khác nhau về tên gọi nhưng lại cùng hướng về một mục tiêu (Moksa cũng được dịch là Freedom). Từ “giải thoát” cái tôi đến “giải thoát” dân tộc, cũng không xa gì mấy với “tự do” cá nhân và “tự do” dân tộc. Tự do của cá nhân được tôn trọng thì tự do của cả dân tộc lẽ nào lại không được tôn trọng bội phần. Các Mác chẳng đã từng cho rằng “sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người” đó sao? (le libre développement de chacun est la condition du libre développement de tous). Bình đẳng giữa con người được tôn trọng thì lẽ nào bình đẳng giữa các dân tộc lại không được xem trọng? “Nam quốc sơn hà Nam đế cư” chính là tuyên bố rõ ràng về bình đẳng, độc lập, chủ quyền của cả dân tộc. Đúng là đến thời Lý - Trần, Phật giáo đã từ “Phật bản” 佛本 chuyển sang “nhân bản” 人本, chuyển sang “nhân sinh” 人生, trở thành sức mạnh tinh thần bất khả chiến bại của dân tộc.

Triều đại nhà Tống và nhà Nguyên ở Trung Quốc cộng lại khoảng hơn bốn thế kỉ, tương đương với thời Lý - Trần. Người ta cho rằng Phật giáo ở Ấn Độ tụt vào Trung Quốc từ đầu Công nguyên, nhưng mãi đến Ngụy Tấn - Nam Bắc triều thì Phật giáo mới thông qua Huyền học để

bén rễ vào xã hội Trung Hoa. Điểm tương giao của Huyền học và Phật giáo chính là ở thuyết “hữu-vô”, “bản mạt” của Huyền học và thuyết “tâm tính thanh tịnh” “duyên khởi tính không” của Phật giáo. Bắt đầu gặp nhau ở thời Ngụy Tấn và hoàn thành bản hợp đồng ở thời Tống. Tống Nho vừa tiếp thu vừa phê phán Phật giáo, cuối cùng xây dựng nền móng trên cơ sở “Lí - Khí”, hay “Lí - Tính”.

Thiên tông không phân biệt “Tâm” và “Tính”, “Tâm” tức là “Tính” và “Tính” cũng tức là “Tâm”. Tống Nho tách rời giữa “Tâm” và “Tính”. “Lí” 理 là chân lí ở bên ngoài, nói đúng hơn, nó là chân lí ở bên trên, trước khi có Trời, Đất thì đã có nó rồi (Vị hữu thiên địa chi tiên tất cánh dã chỉ thị lí, *Ngữ loại, nhất* 未有天地之先, 毕竟也只是理). Như vậy có nghĩa là “Thái cực và Lí chỉ là một” (Thái cực chỉ thị nhất cá “Lí” tự, *Ngữ loại, nhất* 太极只是一个理字). “Tính” 性 là chân lí ở bên trong, nhưng nó chỉ là *điều kiện* để con người có thể tiếp thu, lãnh hội chân lí cương thường ở bên ngoài mà thôi. Còn “Tâm” (nhân tâm) thì phần lớn là xấu xa, là “ác”, hoặc rất dễ dẫn đến cái “ác”. Như vậy là “chân lí” bị “trục xuất” khỏi cái Tâm đầy dục vọng. Mục đích tu dưỡng mà Tống Nho đặt ra là “giữ đạo lí của Trời, loại bỏ dục vọng của con người” (tồn thiên lí, diệt nhân dục 存天理灭人欲). Chân lí hay cương thường của Tống Nho là cái ở bên ngoài, hay đúng hơn là cái bên trên. Nó giống như Mặt Trăng trên Trời, chỉ có một Mặt Trăng nhưng ao hồ, sông suối hay cả cái chậu nước nhỏ bé cũng có thể in hình bóng của nó (*Ngữ loại, q. 94*). Như vậy có nghĩa là chân lí hầu như không có ở mỗi người, nó chỉ là kết quả của sự ban phát từ chân lí siêu việt duy

nhất (Lí nhất phân thù 理一分殊) mà thôi. Nhà Nguyên tuy đề cao Lạt Ma giáo nhưng vẫn tiếp tục mô hình tư tưởng của nhà Tống.

Như vậy có thể thấy chiến thắng của quân dân thời Lý - Trần trước quân xâm lược Tống - Nguyên chính là tổng hợp sức mạnh của dân tộc, trong đó có chiến thắng của tư tưởng nhân văn tự do, bình đẳng, bao dung, nhân ái trước kẻ thù mạnh hơn về vật chất nhưng lại yếu hơn về tính người.

Có lẽ thấy được điều đó cho nên Vương Dương Minh mới phê phán Tống Nho chia cắt giữa “Tâm” và “Lí”. Theo Vương Dương Minh nếu “tách Tâm và Lí ra làm hai thì sẽ tạo ra sai lầm, tệ hại mà không thấy. Cho nên ta cho rằng Tâm tức là Lí, nên nhớ rằng Tâm và Lí chỉ là một, chỉ cần hướng Tâm là đủ đâu cần tìm kiếm ở bên ngoài làm gì” (*Truyền tập lục, hạ*). Không phải áp đặt cái bên ngoài cho cái bên trong, bởi vì bản thân cái bên trong đã sẵn có chân lí rồi. Cho nên “trí lương tri” 致良知 cũng là nhận thức hướng nội, thay đổi cái trong Tâm (Cách Tâm chi vật 格心之物) chứ không phải “cách vật” ngoài Tâm⁽⁴⁾.

Thuyết “tính thiện” 性善 của Mạnh Tử đã được Tống Nho đổi lại chiều hướng. “Tính thiện” của Mạnh Tử không phải hướng ngoại mà là hướng nội chẳng khác gì “tự tính thanh tịnh tâm” của Phật giáo:

“Nhân, nghĩa, lễ, trí không phải từ bên ngoài tác động đến ta mà chính là cái ta vốn có” (Nhân, nghĩa, lễ, trí phi do ngoại

4. Xem: *Truyền tập lục và Đại học vấn* của Vương Dương Minh

thước ngã dã, ngã cố hữu chi dã. *Mạnh Tử, Cáo Tử thượng* 仁义礼智非由外铄我也, 我固有之也)

Đàn Kinh chép:

“Phật ở bên trong chứ không phải cầu ở bên ngoài” (Phật tự tính tác, mạc hướng ngoại cầu 佛是自性作莫向外求)

Giống nhau về phương hướng, khác nhau về nội dung. Khác nhau cả về giải thích nguyên nhân của “tính ác” hay “tâm tính ô nhiễm”. Mạnh Tử cho rằng “tính ác” là do bên ngoài tạo ra, cũng tựa như nước đầu nguồn thì trong nhưng khi chảy ra khỏi nguồn, càng chảy về xuôi càng trở thành đục. Cho nên cần phải quay về với cái Tâm (cầu kì phóng tâm). Phật giáo không những chỉ ra nguyên nhân bên ngoài mà còn chỉ ra cả nguyên nhân bên trong, chỉ cần “vọng Tâm” 妄心 là đủ để cho tâm tính thanh tịnh bị vẩn đục. Trong khi Mạnh Tử lên án cái bên ngoài thì Tống Nho lại chú ý đến nguyên nhân “tội lỗi” ở bên trong nhiều hơn. “Lí” là chân lí, là khuôn vàng thước ngọc của ý thức hệ phong kiến, tồn tại ở bên ngoài (đúng hơn là ở bên trên). Nhưng muốn cho “ý thức xã hội” đó biến thành “ý thức cá nhân” thì Tống Nho cũng phải thừa nhận cái gọi là “Tính” ở bên trong của cá nhân con người. “Tính” là “cái thiện” vốn có, là “cộng hưởng” giữa bên ngoài và bên trong, là cơ sở để con người

tiếp thu cái “Lí” bên ngoài. Để cái “Lí” bên ngoài càng có trọng lượng, Tống Nho buộc phải thừa nhận bên trong con người, ngoài “Tính” 性 còn có cái gọi là “Tình” 情, “Tình” là nguyên nhân của “tội lỗi”. Như vậy là Tâm luôn bị xung đột giữa cái thiện (Tính) và cái ác (Tình). Cái “Lí” bên ngoài sẽ quyết định kết quả “trận chiến” thường không cân sức này.

Thời đại ngày nay kinh tế - chính trị, khoa học - kĩ thuật tiến triển và thăng trầm như những đợt sóng thần. Con người chạy đua với thời gian chẳng còn giờ phút nào để tự nhìn lại chính mình, nhìn lại cái Tâm thanh tịnh của chính mình. Không biết nó có còn hay đã ra đi từ lúc nào. Thời đại văn minh đang cố tạo ra những Robot giống như con người, nhưng thời đại văn minh cũng đang biến con người thành những Robot. Thời đại mà văn minh, khoa học thay vì biến “Tâm tính ô nhiễm” thành “Tâm tính thanh tịnh” thì lại làm ngược lại. Đại hội Phật giáo Thế giới lần thứ II họp vào cuối tháng ba đầu tháng tư năm 2009 đã thành tâm cầu nguyện nhân loại sống “hòa hợp”, “hài hòa mà không giống nhau”. Hụt hẫng ở bên trong làm sao có thể ổn định ở bên ngoài? Hướng hồ môi trường tự nhiên bị ô nhiễm, môi trường xã hội cũng bị ô nhiễm? Và... nhân loại không biết sẽ đi về đâu nếu như tâm tính và thời đại không gặp nhau?